

ĐẶC TRƯNG SỰ TÌNH PHÁT NGÔN TIẾNG VIỆT

ThS LÊ THỊ THOM

1. Khái quát về sự tình phát ngôn

Sự tình phát ngôn (STPN) có thể được hiểu với nghĩa rộng, “nó bao hàm bất kì kiểu trao đổi ý nghĩa tượng trưng nào, như *the notice tells you to keep quiet* (bảng thông báo đề nghị bạn im lặng), hay *my watch says it's half past ten* (đồng hồ của tôi chỉ mười giờ rưỡi)” [10, 252]. Như vậy, hiểu theo nghĩa này, STPN tương đương như bất kì hoạt động thông tin nào đó. Tuy nhiên, *phát ngôn* trong kết hợp từ *sự tình phát ngôn* tương đương với từ *saying* (nói, việc nói năng) chứ không phải *verbal* ((thuộc) ngôn từ), tức là nó không bao gồm miền *suy nghĩ* (*thinking*), *tượng trưng hoá*, *sự biểu trưng* (*symbolizing*) - những kiểu loại cùng nằm trong cấp độ với “nói” (*saying*) mà chỉ là *nói* (*saying*) - miền trung tâm của “verbal” - theo cách gọi của M.A.K.Halliday.

STPN trong bài viết này được quan niệm là hoạt động nói năng, hoạt động phát ra lời nói của con người để biểu hiện ý nghĩa, để trao đổi thông tin. Đó là hoạt động bằng ngôn ngữ của con người khi giao tiếp.

Trong một STPN (hiểu theo quan niệm này) các nhân vật tham gia vào

hoạt động phát ngôn sẽ được gọi là phát ngôn thể, tiếp ngôn thể, đích ngôn thể, “cái được phát ngôn” (nói ra) được gọi là ngôn thể, còn bản thân hoạt động phát ngôn chính là vị tố của sự tình.

2. Đặc trưng của sự tình phát ngôn tiếng Việt

Trên cơ sở M.A.K Halliday miêu tả khái lược về STPN (xem chi tiết [10, 252 - 255]), Hoàng Văn Vân [5] đã đưa ra hai đặc điểm để phân biệt sự tình phát ngôn tiếng Việt (STPNTV) với các kiểu sự tình khác trong hệ thống chuyển tác tiếng Việt, đó là: (1) bản chất của các mối quan hệ khác nhau của các tham thể trong quá trình phát ngôn, (2) đồng định vị chặt chẽ với chu cảnh: vấn đề. Đồng thời Hoàng Văn Vân cũng cho rằng phóng chiếu hữu ngôn cũng là một trong những đặc trưng để khu biệt STPNTV với các kiểu sự tình khác.

Bản chất của các mối quan hệ khác nhau của các tham thể trong STPN thực chất là việc tác giả khái lược về các tham thể trong STPN: phát ngôn thể, tiếp ngôn thể, đích ngôn thể và ngôn thể. Đồng định vị chặt chẽ với chu cảnh: vấn đề là nội dung cái được

nói ra trong hành động phát ngôn. Nó có thể là đề tài, là chủ đề của ngôn thể

cũng có thể là nội dung của ngôn thể.
Thí dụ 1:

<i>Tôi</i>	<i>sẽ kể</i>	<i>cho chú</i>	<i>về chuyện của tôi.</i>
phát ngôn thể	Quá trình: phát ngôn	tiếp ngôn thể	Chu cảnh: vấn đề

(5, 253)

Trên cơ sở kế thừa những nghiên cứu của các tác giả đi trước về STPN và STPN tiếng Việt, kết hợp với việc khảo sát, thống kê và phân tích ngữ liệu trong tiếng Việt, chúng tôi xác định các đặc trưng cơ bản STPN tiếng Việt thể hiện trên một số mặt sau:

2.1. Những đặc trưng của sự tình phát ngôn tiếng Việt trên cơ sở so sánh, đối chiếu với sự tình quan hệ và sự tình tinh thần

Theo kết quả phân loại sự tình của M.A.K Halliday, STPN nằm ở miền trung gian giữa sự tình quan hệ và sự tình tinh thần. Điểm khu biệt STPN với hai loại sự tình cận kề này là: 1) Số lượng thành tố cốt lõi trong cấu trúc sự tình; 2) Chức năng nghĩa của các thành tố trong sự tình; 3) Khả năng kết hợp của vị tố với từ chỉ cách thức nói năng, đặc biệt là từ chỉ âm thanh, tiếng động; 4) Khả năng "phóng chiếu" các loại sự tình khác của ngôn thể.

2.1.1. *Số lượng thành tố cốt lõi của sự tình phát ngôn tiếng Việt*

Cấu trúc vị tố - tham thể là tiêu chí đầu tiên khi nói đến đặc trưng của một sự tình. Mỗi sự tình có những đặc trưng riêng để khu biệt với các sự tình khác. Sự tình tạo nên nghĩa biểu hiện của câu; mà nghĩa biểu hiện của câu được đặc trưng bởi cấu trúc vị tố -

tham thể. Hai tác giả bàn nhiều đến STPN là M.A.K Halliday và Hoàng Văn Vân đều thống nhất trong STPN, cùng với thành tố lõi là vị tố phát ngôn có bốn tham thể: phát ngôn thể, tiếp ngôn thể, đích ngôn thể và ngôn thể. Như vậy, trong vai trò là đỉnh, là tâm điểm tổ chức của câu, yếu tố ngôn ngữ (động từ nói năng) thực hiện chức năng vị tố trong STPN đòi hỏi phải có 4 thành tố tham gia "diễn" cùng với nó trong câu. Từ đây, có thể khẳng định, số lượng tham tố cốt lõi trong STPN nói chung và STPN tiếng Việt nói riêng gồm năm thành tố (phát ngôn thể, vị tố phát ngôn, tiếp ngôn thể, đích ngôn thể và ngôn thể); trong khi đó thành tố cốt lõi của sự tình quan hệ và sự tình tinh thần đều chỉ là ba thành tố. Cụ thể, "là một sự liên quan, một mối quan hệ, sự tình quan hệ nhất thiết phải có hai tham thể và hai tham thể này luôn nằm trong một tương quan ngữ nghĩa nhất định" [6, 190]. Tác giả của [6] cũng khẳng định sự tình quan hệ trở thành một hệ thống đa dạng, phong phú về tiểu loại sự tình cũng như hệ thống các tham thể tham gia vào sự tình (gồm 13 tiểu loại sự tình và 26 loại tham thể). Tên gọi các tham thể tham gia vào sự tình quan hệ trong từng tiểu loại sự tình của rất phong phú. Có thể gọi tên một cách

khái quát hai tham thể của sự tình quan hệ là tham thể quan hệ 1 (TTQH1) và tham thể quan hệ 2 (TTQH2). Như

vậy, cùng với vị tổ quan hệ, sự tình quan hệ có hai thành tố cốt lõi là TTQH1 và TTQH2.

Thí dụ 2:

<i>Ruộng rẫy</i>	<i>là</i>	<i>chiến trường</i>
<i>Cuốc cày</i>	<i>là</i>	<i>vũ khí</i>
<i>Nhà nông</i>	<i>là</i>	<i>chiến sĩ</i>
TTQH1	Vị tổ	TTQH2

(Hồ Chí Minh)

Còn với sự tình tinh thần, Hoàng Văn Vân khẳng định: “một quá trình tinh thần điển hình trong tiếng Việt thường bao gồm hai tham thể cố hữu” [5, 212]. Đó là cảm thể và hiện tượng. Như thế, ba thành tố cốt lõi của sự tình tinh thần gồm: vị tổ tinh thần, cảm thể và hiện tượng.

Thí dụ 3:

<i>Tôi</i>	<i>nghĩ rằng</i>	<i>cách giải quyết đó sẽ thành công.</i>
Cảm thể	Vị tổ	Hiện tượng

Khi được diễn đạt trong câu, năm thành tố của STPN tiếng Việt cùng được hiện thực hóa, tuy rằng cũng có lúc, do ngữ cảnh, do tình huống hoặc do nhiệm vụ thông báo mà một hoặc một số thành tố trên bị tính lược đi. Tuy nhiên, thành tố bị tính lược luôn luôn được giả định trong ý nghĩa của vị tổ, trong cấu trúc nghĩa của sự tình.

Thí dụ 4:

Chị vợ già vờ khoằm mặt. Chị gắt lên:

- *Cái gì?*

(1, 413)

Trong thí dụ trên chỉ có ba thành tố (phát ngôn thể: *chị*, vị từ ngôn thể: *gắt* và ngôn thể: *cái gì?*) được hiện thực hóa, các thành tố tiếp ngôn thể và đích ngôn thể bị tính lược. Việc tính lược các thành tố trong thí dụ này là hoàn toàn chấp nhận được vì nó

được ngữ cảnh cho phép và đáp ứng được đích của hành động phát ngôn.

Vậy, số lượng 5 thành tố cốt lõi là đặc trưng đầu tiên của sự tình phát ngôn. Về mặt hình thức, có thể mô hình hóa cấu trúc cốt lõi của sự tình phát ngôn tiếng Việt như sau:

± Phát ngôn thể + vị tổ phát ngôn
± tiếp ngôn thể/ ± đích ngôn thể
+ ngôn thể

(Ghi chú: Các thành tố được đánh dấu + phía trước: bắt buộc phải có mặt; Các thành tố được đánh dấu ± phía trước: có thể có hoặc không có mặt)

2.2.2. Chức năng nghĩa của các thành tố trong sự tình phát ngôn tiếng Việt

Trong cấu trúc nghĩa, vị tổ là thành tố làm nên đặc trưng của sự tình. STPN tiếng Việt được đặc trưng bởi vị từ phát ngôn tiếng Việt. Vị từ phát

ngôn tiếng Việt có thể tham gia biểu thị, gọi tên nhiều kiểu hành động ngôn ngữ khác nhau. Thực tế thành phần thực hiện vai trò vị từ phát ngôn tiếng Việt rất đa dạng nhưng có thể nói khái quát rằng, vị từ phát ngôn phải là những đơn vị ngôn ngữ có nét nghĩa phát ra thành tiếng, thành lời để diễn đạt một nội dung nhất định trong giao tiếp. Như vậy, đối tượng tham gia làm vị từ cho STPN tiếng Việt rất phong phú, bao gồm: (1) những vị từ mang nghĩa “nói năng” chính danh, có nghĩa gốc là nghĩa nói năng kiểu như: *nói, bảo, báo, ...* và (2) những yếu tố ngôn ngữ vốn không có nghĩa gốc là nghĩa nói năng nhưng trong ngữ cảnh cho phép nét nghĩa nói năng được phát lộ. Thí dụ 5:

Thủy cúi gằm mặt xuống và lắc đầu, Hà càng chọc: "Bồ đó. Nhào vô đi" (4, 182).

Chọc vốn là động từ hành động vật lí (có nghĩa "dùng vật dài đâm thẳng và mạnh vào nhằm làm thủng hoặc làm rụng" [4, 161]), nhưng trong thí dụ trên nó đã được dùng với nghĩa chuyển, nghĩa của động từ nói năng: "dùng lời nói trực tiếp làm cho đôi ngôn bức tức, tổn thương".

Về tham thể trong sự tình phát ngôn, xuất hiện trong “cấu trúc cốt lõi” của sự tình phát ngôn tiếng Việt

Thí dụ 7:

<i>Cô giáo</i>	<i>khen</i>	<i>Nguyên</i>	<i>trước cả lớp:</i>	<i>“Nguyên rất tiến bộ trong học tập”</i>
PNT	VTPN	ĐNT	TNT	NT

2.1.3. Khả năng kết hợp của vị tổ với từ chỉ cách thức nói năng, đặc biệt là từ chỉ âm thanh, tiếng động

Từ chỉ cách thức nói năng (xem chi tiết tại [8]) có nét nghĩa chung là

có bốn tham thể như đã dẫn. Phát ngôn thể là tham thể có quan hệ đặc biệt với vị từ phát ngôn, nó là một thực thể có khả năng phát ra lời nói, thông thường phát ngôn thể là người. Tiếp ngôn thể là tham thể tiếp nhận phát ngôn do phát ngôn thể phát ra, là người tiếp nhận một lời nói. Đích ngôn thể là cái đích để hành động phát ngôn hướng tới. Trong STPN, phát ngôn thể thực hiện hành động phát ngôn và tác động bằng lời nói tới tham thể khác - đích ngôn thể. Đích ngôn thể được tách riêng, không trùng với tiếp ngôn thể nhưng trong nhiều trường hợp đích ngôn thể trùng với tiếp ngôn thể. Thí dụ 6:

Tao thể với mày: hai ba lần bà ấy không khóc với tao, tao chết! (1, 103).

Trong thí dụ trên, *mày* là đích mà hành động thể hướng tới, nó đồng thời cũng là người tiếp nhận lời thể. Nếu hành động *thể* ở trên được thực hiện ở nơi có đông người thì những người chứng kiến hành động ấy cũng là tiếp ngôn thể. Còn ngôn thể là “cái được nói ra”, cũng có khi là tên gọi của hành động phát ngôn. Vị từ phát ngôn và ngôn thể là hai thành tố thường không thể thiếu trong một STPN. Thí dụ sau đây sẽ chỉ rõ các thành tố trong STPN với chức năng nghĩa của chúng.

thể hiện cách thức nói, cách thức tạo ra lời nói (có thể đó là cách thức về một phương diện nào đó như tốc độ nói: *ra rá, liến thoắng, thong thả, ...*; cường độ nói: *thủ thủ, thể thọt, đồng*

dạc, bô bô, oang oang...; cao độ nói: *thì thâm, tru tréo, the the,...*). Là một sự tình động, một sự kiện động - phát ra lời nói, phát ra âm thanh nên STPN tiếng Việt gây nên “tiếng động”. Chính vì vậy, vị từ trong STPN tiếng Việt có khả năng kết hợp một cách tự nhiên, theo tần số cao với các từ chỉ âm thanh, đặc biệt là các từ tượng thanh như: *bù lu bù loa, lanh lảnh, lằm rằm, lu loa, thì thảo, thì thâm, xì xầm, rì rầm, tru tréo, the the, thánh thót, oang oang, toang toác,...* Nói chính xác hơn, vị từ phát ngôn luôn tiềm tàng khả năng kết hợp với từ chỉ âm thanh, tiếng động. Sự tình quan hệ và sự tình tinh thần không có khả năng này. Thí dụ 8:

Bố Mắt Híp đi ngang qua, cười nói oang oang:

- Hai con bé này ăn khoẻ thế. Nữ thực như hổ, nam thực như miu (2, 33).

Đặc tính này trong STPN tiếng Việt thể hiện “chặt” đến mức các từ tượng thanh này có thể dùng thay vị từ phát ngôn, đúng hơn là bản thân nét nghĩa nói năng đã có trong các từ tượng thanh thuộc nhóm này. Lúc đó, từ chỉ âm thanh, tiếng động thực hiện vai trò của vị từ phát ngôn. (Xem chi tiết về điều này tại [8]). Thí dụ:

(9a) *Hắn bô bô với mọi người: tới Diêm Vương thấy cách cổ ngủ với hắn cũng còn nhỏ dãi, còn ghen lồng lên, nói chi cách đồn ông có vợ thui lụi như khoai môn nước* (4, 279).

(9b) *Nhìn thấy Linh, vợ thầy Hương tru tréo:*

- A, con ranh đây rồi. Hoa hậu hoa hĩnh gì mà, làm khổ chồng bà (4, 330).

2.1.4. Khả năng “phóng chiếu” các loại sự tình khác của ngôn thể

Cùng với các đặc trưng trên, nét khác biệt cơ bản làm nên đặc trưng của STPN tiếng Việt chính là khả năng ngôn thể bao được tất cả các loại hình sự tình khác. Bởi vì ngôn ngữ có khả năng ghi lại, chụp lại tất cả sự việc, hiện tượng trong thế giới khách quan cũng như gọi tên được mọi trạng thái, diễn biến thuộc đời sống tinh thần. Tất cả vật, việc, hiện tượng thuộc thế giới khách quan cũng như thế giới kinh nghiệm đều được con người gọi tên, miêu tả bằng ngôn ngữ. Nội dung của ngôn thể trong STPN có thể đề cập đến tất cả các loại hình sự tình khác trong thế giới kinh nghiệm. Nếu sự tình hành động chỉ đề cập đến những vấn đề thuộc về hành động vật lí; sự tình quan hệ chủ yếu chỉ đề cập đến quan hệ giữa các vật, việc, hiện tượng; sự tình tồn tại chỉ đề cập đến sự hiện hữu của vật trong thế giới kinh nghiệm... thì ở STPN, cái được phóng chiếu, “cái được nói ra” có thể thuộc các miền khác nhau. Nói cách khác, các loại sự tình khác đều có khả năng được đề cập, phản ánh, “đưa” vào sự tình phát ngôn với cương vị ngôn thể. Thí dụ:

(10a) *Lũ trẻ bắt đầu bàn tán:*

- Thầy giết chó nhì? (1, 118).

(Ngôn thể thuộc sự tình vật chất, tức hành động).

(10b) *Khánh nói*: Con yêu em Nguyên lắm!

(Ngôn thể thuộc sự tình tinh thần)

(10c) *Thạch nói*: "Anh là đồ bất lịch sự!" (4, 311).

(Ngôn thể thuộc sự tình quan hệ).

(10d) *Lan nói*: Em bé khóc cả buổi trưa. (Ngôn thể thuộc sự tình hành vi).

(10đ) *Hấn vờ nói vọng vào nhà*:

- Thừa mẹ! Có khách (1, 389).

(Ngôn thể thuộc sự tình tồn tại).

(10e) *Vợ hấn tức thì gắt lại*:

- Người ta hỏi sáng mai gọi người ta vào bán đi 5 thùng thóc nhé? (1, 286).

(Ngôn thể thuộc sự tình phát ngôn).

Về bản chất, STPN là sự tình “kép” gồm STPN (xét về mặt tổng thể cấu trúc) và sự tình X nào đó (thuộc ngôn thể). STPN là sự tình lớn, có tính bao trùm; sự tình thuộc NT là sự tình nhỏ nằm trong sự tình lớn đó. Hay nói chính xác hơn, STPN là sự tình bao, sự tình nằm trong ngôn thể là sự tình bị bao. Tất cả các loại hình sự tình khác đều có khả năng được phản ánh, miêu tả trong STPN trong vai ngôn thể. Đặc trưng này chỉ có ở STPN. Hoàng Văn Vân quan niệm phóng chiếu hữu ngôn trong các STPN là: các sự tình phát ngôn có tiềm năng phát triển thành cú phức thông qua hình thức phóng chiếu. Điều này giống với sự tình tinh thần, song chính sự phóng chiếu lại khu biệt sự tình tinh

thần với STPN. Nếu sự tình tinh thần có tiềm năng phóng ra một “ý tưởng” hay “một tư duy chưa thành lời”, thì một STPN lại có tiềm năng phóng ra một “lời nói”. Vì đặc trưng có tiềm năng “phóng chiếu” này mà Hoàng Văn Vân cho rằng “phóng chiếu” là một trong ba kiểu sự tình lớn trong hệ thống chuyển tác tiếng Việt; và sự tình tinh thần cùng STPN là hai tiểu loại sự tình cùng nằm trong kiểu sự tình lớn này. Như vậy, sự tình tinh thần cũng có khả năng “bao chứa” các loại sự tình khác nhưng sự tình bị bao trong sự tình tinh thần chỉ tồn tại ở dạng tiềm năng trong ý thức, trong tư duy của con người còn trong STPN thì nó có khả năng phát ra thành tiếng, thành lời. (Cho nên, vị từ phát ngôn có đặc trưng đã nói trên, đó là khả năng kết hợp với từ ngữ chỉ tiếng động).
Thí dụ:

(11) *Tôi nghĩ rằng anh ấy sẽ là người chiến thắng*.

Sự tình quan hệ *anh ấy sẽ là người chiến thắng* tồn tại trong suy nghĩ, trong ý thức của tôi, nó chỉ được biết đến khi tôi dùng ngôn ngữ để thể hiện nó ra bên ngoài.

Sự tình quan hệ cũng có khả năng “bao chứa” này tuy rất ít gặp. Nhưng vẫn có sự khác biệt giữa STPN và sự tình quan hệ ở chỗ: những sự tình quan hệ có khả năng bao chứa các loại hình sự tình khác trong nó là không phổ biến, hơn nữa những sự tình bị bao trong sự tình lớn chỉ quan hệ luôn luôn có quan hệ tổng thể với nhau với tư cách những thành tố trong sự tình quan hệ. Quan hệ ràng buộc giữa hai tham

thể là đặc trưng có tính bản chất của loại hình sự tình này, và chính điều

này đã được thể hiện qua tên gọi của sự tình - sự tình quan hệ. Thí dụ:

(12a)

<i>Con gặp lại nhân dân</i>	như	<i>nai về xuôi cũ</i>
Sự tình hành động đóng vai TTQH1	Vị tổ so sánh	Sự tình hành động đóng vai TTQH2

(Chế Lan Viên)

(12b)

<i>Nó nói như vậy</i>	là	<i>nó đồng ý đấy.</i>
Sự tình phát ngôn đóng vai TTQH1	Vị tổ đồng nhất	Sự tình hành động đóng vai TTQH2

Quan sát hai thí dụ trên chúng ta thấy giữa tham thể trong từng sự tình ở các thí dụ có mối quan hệ với nhau: quan hệ so sánh (thí dụ 12a), quan hệ đồng nhất (thí dụ 12b). Trong khi đó ở STPN, tham thể ngôn thể biểu hiện một loại sự tình trong hệ thống các sự tình tồn tại ở dạng phổ biến, hơn nữa tham thể này không chịu sự quy định, ràng buộc với các tham thể khác trong cấu trúc; nó phản ánh, đề cập một cách khách quan những sự vật, sự việc, hiện tượng diễn ra trong thực tế.

2.2. Đặc trưng của sự tình phát ngôn tiếng Việt trên cơ sở so sánh, đối chiếu với sự tình hành động

Phải khẳng định ngay rằng: STPN cũng là một loại sự tình hành động bởi nhà triết học và ngôn ngữ học Austin cho rằng: *nói tức là hành động* (1962) - hành động bằng lời. Cho nên STPN có những đặc trưng chung của sự tình hành động. Lấy ba tiêu chí [$\pm$ tính động] (dynamism), [$\pm$ tính chủ động] (tính kiểm soát, chủ ý) (control) và [$\pm$ tính thành quả] (telicity) để phân

loại các sự tình, song trong kết quả phân chia các loại hình sự tình của S.C.Dik không có STPN. Tuy nhiên, dùng bộ tiêu chí mà S.C.Dik đề xuất để soi vào STPN nói chung và STPN tiếng Việt nói riêng thì thấy STPN tiếng Việt có các đặc trưng [+động], [+ chủ động], [+thành quả]. Từ đây, có thể phát triển và bổ sung vào kết quả phân loại sự tình của S.C.Dik: STPN thuộc kiểu sự tình hành động hoàn thành.

Điểm chung về cấu trúc nghĩa (thành tố cốt lõi) giữa sự tình hành động (vật lí) với sự tình hành động phát ngôn là: cả hai kiểu sự tình này đều có vị tổ mang nghĩa hành động (vị từ hành động và vị từ phát ngôn/ nói năng), cùng tham gia với vị tổ là các tham thể: chủ thể tạo hành động (hành thể trong sự tình hành động và phát ngôn thể trong STPN) và đối thể chịu tác động của hành động (tham thể đối thể/ đối tượng/ đích trong sự tình hành động và tham thể tiếp ngôn thể, đích ngôn thể trong STPN). Tuy nhiên, khác biệt cơ bản giữa sự tình hành động (vật lí) với sự tình hành

động phát ngôn là ở chỗ: như một hệ quả tự nhiên - lô gíc, khả năng phóng chiếu là đặc trưng cơ bản của sự tình phát ngôn [5]. Với STPN, phóng chiếu là “phóng chiếu hữu ngôn”, cho ra sản phẩm, kết quả là “lời nói”, “ngôn thể”. Tham thể ngôn thể được cho là tham thể dính chặt nhất với vị từ phát ngôn. Bởi đơn giản là có hành động phát ngôn thì phải có sản phẩm của hành động ấy. Còn ai nói, nói cho ai nghe...

Thí dụ (13a): Sự tình hành động

<i>Tôi</i>	đánh	<i>nó</i>	<i>vì chuyện đi học muộn.</i>
Hành thể	Vị tố hành động	đối thể	nguyên nhân (tham thể mở rộng)

(13b) Sự tình phát ngôn

<i>Tôi</i>	nói	<i>(với) nó</i>	<i>về chuyện đi học muộn.</i>
PNT	VTPN	TNT và ĐNT	NT (tham thể cốt lõi)

Tóm lại, với những đặc trưng trên, STPN nói chung và SPN tiếng Việt nói riêng có thể xác định được giá trị của mình. Đồng thời, nhờ những đặc trưng đó, STPN có đủ năng lực để khu biệt với các sự tình khác. Xác định STPN là một kiểu loại của sự tình hành động (hành động hoàn thành) sẽ giúp cho chúng ta cần trọng hơn khi nói năng, cần chuẩn bị kỹ trước khi phát ngôn để phát ngôn đạt đến mức cao nhất cả về nghĩa biểu hiện và nghĩa tình thái. Đặc biệt với đặc trưng: *Khả năng phóng chiếu* các loại sự tình của ngôn thể đã chứng minh được khả năng đặc biệt của ngôn ngữ, nó có khả năng diễn tả, phản ánh tất cả mọi mặt của đời sống xã hội cũng như mọi hoạt động của đời sống con người. Xét ở phương diện này, ngôn ngữ là một loại tín hiệu đặc biệt ưu

là những tham thể có tầm quan trọng thấp hơn. Cho nên, ngoài các tham thể giống sự tình hành động (vật lý), với tư cách là một kiểu loại của sự tình hành động, STPN bắt buộc phải có thêm tham thể mang nghĩa sản phẩm của hành động phát ngôn - tham thể ngôn thể. Do đó, bản chất ngữ nghĩa của tham thể ngôn thể sẽ khu biệt sự tình hành động (vật lý) với sự tình hành động phát ngôn.

trội mà không một loại tín hiệu nào có thể vượt qua.

NGŨ LIỆU TRÍCH DẪN

1. *Nam Cao truyện ngắn tuyển chọn*, Nxb Văn học, 2000.
2. *Người vớt phù du*, (Tập truyện ngắn), Phạm Hải Anh, Nxb trẻ, H., 2007.
3. *Truyện ngắn hay 2005*, Nhiều tác giả, Nxb Hội nhà văn, 2006.
4. *Truyện ngắn chọn lọc 2002*, Nxb Hội nhà văn, 2002.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Xuân Hạo (chủ biên), *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt*, Quyển 1, *Câu trong tiếng Việt*, Nxb GD, 2001.
2. Bùi Minh Toán (chủ biên), *Giáo trình ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb ĐHSP, 2007.

3. Halliday M.A.K., *An introduction to Functional Grammar*, Edward Arnold, 1994.

4. Hoàng Phê (chủ biên), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb KHXH, Trung tâm Từ điển học Việt Nam, 1994.

5. Hoàng Văn Vân, *Ngữ pháp kinh nghiệm của cú tiếng Việt: Miêu tả theo quan điểm chức năng hệ thống*, Nxb KHXH, H., 2005.

6. Lê Thị Lan Anh, *Sự tình quan hệ và câu quan hệ tiếng Việt*, Luận án tiến sĩ Ngôn ngữ, H., 2006.

7. Lê Thị Thơm, *Sự tình phát ngôn trong truyện ngắn Chí Phèo của Nam Cao*, T/c Ngôn Ngữ, Số 3, 2008.

8. Lê Thị Thơm, *Vị từ chỉ cách thức nói năng trong tiếng Việt*, T/c Ngôn Ngữ, Số 3, 2010.

9. Mai Ngọc Chừ (chủ biên), *Nhập môn Ngôn ngữ học*, Nxb GD, 2007.

10. M.A.K Halliday, *Dẫn luận ngữ pháp chức năng*, Nxb ĐHQG, H., 2004.

11. Nguyễn Thị Quy, *Ngữ pháp chức năng tiếng Việt (Vị từ hành động)*, Nxb KHXH, H., 2002.

SUMMARY

The paper starts with an understanding that an utterance's state of affairs (SoA) is the speaking activities in order to express a certain meaning, to swap information. It is the human being's language activities in communication. The utterance's state of affairs is different from the other kinds of state of affairs in terms of: (1) The quantity of the core components in the structure of SoA (concluding five core components in saying SoA: predicator, sayer, receiver, target, and verbiage); (2) The semantic functions of the components in the states of affairs; (3) The capabilities of the predicator to combine with other words denoting the speaking manners, especially with onomatopoeias such as tweet, murmur, whisper; (4) Other types of states of affairs can be incorporated in the utterance's SoA through verbiage; (5) The utterance's SoA is also a kind of Action SoA with features [+dynamics], [+ active], [+achievement].